TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CM** **T PHỐ HN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **90**/2022/QĐST-DS	CM, ngày 08 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải T ngày 30 tháng 6 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 62/2022/TLST-DS ngày 09/5/2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải T về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải T, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP QT Việt Nam (VIB); Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2, tòa nhà ST, số 111A Pasteur, phường BN, Q1, TP HCM; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Thành C - Chức vụ Giám đốc THN TT & XLN – Trung tâm QLN Ngân hàng bán lẻ VIB- Khối ngân hàng bán lẻ VIB; Người uỷ quyền tham gia tố tụng: ông Nguyễn Tử K, ông Lý Quốc V (Theo Giấy ủy quyền số 019195.22 ngày 24/3/2022 của Ngân hàng TMCP QT Việt Nam).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Phạm Văn L, sinh năm 1959

2.2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963

2.3. Anh Phạm Văn L, sinh năm 1982

2.4. Chị Vũ Thị Hải Y, sinh năm1983

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1986 (con đẻ ông L)

3.2. Cháu Phạm Tuấn H, sinh năm 2010 (con đẻ anh L)

3.3. Cháu Phạm An N, sinh năm 2019 (con đẻ anh L)

Đại diện theo pháp luật của cháu H, cháu N là anh Phạm Văn L

Đều có HKTT tại: Thôn Đồi 2, xã ĐPY, huyện CM, T phố HN

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về nghĩa vụ thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng:

1.1. Ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị N, anh Phạm Văn L, chị Vũ Thị Hải Y có vay vốn của Ngân hàng TMCP QT Việt Nam:

- Hợp đồng tín dụng số CN166.HĐTD-038.17 ngày 29/11/2017 và khế ước nhận nợ số CN166.KUNN-038.17 ngày 29/11/2017. Số tiền ngân hàng giải ngân cho Ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị N, anh Phạm Văn L, chị Vũ Thị Hải Y là: 600.000.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số: CN167.HĐTD-038.17 và khế ước nhận nợ số CN167.KUNN-038.17 ngày 29/11/2017. Số tiền ngân hàng giải ngân cho Ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị N, anh Phạm Văn L, chị Vũ Thị Hải Y là: 200.000.000 đồng.

- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 20/7/2018 tổng số tiền là 60.000.000 đồng

Quá trình thực hiện Hợp đồng: Ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị N, anh Phạm Văn L, chị Vũ Thị Hải Y đã trả Ngân hàng TMCP QT Việt Nam số tiền 349.383.084 đồng (trong đó: trả nợ gốc 177.100.000 đồng, trả nợ lãi 172.283.084 đồng). Sau đó vì điều kiện kinh tế khó khăn nên ông L, bà N, anh L, chị Y chưa trả hết nợ Ngân hàng TMCP QT Việt Nam

Ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị N, anh Phạm Văn L, chị Vũ Thị Hải Y xác nhận nghĩa vụ còn nợ và có trách nhiệm trả ngân hàng Ngân hàng TMCP QT Việt Nam số tiền tạm tính đến ngày 29/6/2022 là: Nợ gốc 682.883.117 đồng; Nợ lãi trong hạn: 182.184.322 đồng; Nợ lãi quá hạn: 296.344.573 đồng. Tổng cộng tiền nợ là: 1.161.412.012 đồng (một tỷ, một trăm sáu mươi mốt triệu, bốn trăm mười hai nghìn, không trăm mười hai đồng).

Ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị N, anh Phạm Văn L, chị Vũ Thị Hải Y tiếp tục chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng đã ký kết kể từ ngày 30/6/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ

2. Về xử lý tài sản thế chấp:

Kể từ ngày Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực, nếu Ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị N, anh Phạm Văn L, chị Vũ Thị Hải Y không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP QT Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có

thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản đảm bảo của khoản vay để thu hồi nợ cho ngân hàng là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 185+186, tờ bản đồ số 02 có địa chỉ tại: thôn 2, xã ĐPY, huyện CM, tỉnh HT (nay là T phố HN) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 618748 do Ủy ban nhân dân huyện CM, tỉnh HT (nay là T phố HN) cấp ngày 11/06/2008; số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ: 01504 cấp cho hộ ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị N.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị N, anh Phạm Văn L, chị Vũ Thị Hải Y phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP QT Việt Nam

3. Về án phí: Ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị N, anh Phạm Văn L, chị Vũ Thị Hải Y tự nguyện nộp tiền án phí sơ thẩm trong trường hợp hòa giải T là: 23.400.000 đồng

Hoàn trả Ngân hàng TMCP QT Việt Nam số tiền 15.600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CM, HN. (theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2020/0075873 ngày 29/4/2022).

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp. HN;
- VKSND huyện CM ;
- Chi cục THADS H.CM;
- Lưu: HSVA, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Việt Dũng